

KHÁI QUÁT VỀ TỪ ĐIỂN TÁC PHẨM Ở VIỆT NAM

QUÁCH THỊ GẤM *

Tóm tắt: Từ điển tác phẩm là loại từ điển khá chuyên biệt so với các loại từ điển khác, đây là loại từ điển nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu của những độc giả muốn hiểu rõ ý nghĩa của các từ ngữ trong tác phẩm. Bài viết này bước đầu tìm hiểu về loại từ điển tác phẩm, qua đó cho thấy những đặc trưng, giá trị của loại từ điển này cũng như tình hình biên soạn từ điển tác phẩm ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Từ điển tác phẩm, từ điển chuyên biệt, biên soạn, giải thích từ ngữ.

Abstract: The work dictionary is a type of quite specialized dictionary compared to other ones, compiled to meet the search needs of the readers who want to understand the meanings of words reflected in it. The article studies the type of work dictionary, thereby pointing out its characteristics and values as well as the current situation of compiling the work dictionaries in Vietnam.

Keywords: Work dictionary, specialized dictionary, compilation, explaining words.

1. Mở đầu

Ở Việt Nam hiện nay có rất nhiều loại từ điển khác nhau, các loại hình từ điển ngày càng phong phú và đa dạng. Trong số các loại hình từ điển hiện có ở Việt Nam, từ điển tác phẩm thuộc loại từ điển chuyên biệt, trong đó người biên soạn lập danh sách toàn bộ hoặc một bộ phận các từ ngữ trong một tác phẩm của một tác giả hoặc một nhóm tác giả nào đó và giải thích ý nghĩa, nội dung của chúng trong mối quan hệ với tác phẩm đó.

Bài viết này bước đầu tìm hiểu khái niệm từ điển tác phẩm, phân biệt từ điển tác phẩm với một số loại từ điển liên quan, giới thiệu khái quát các cuốn từ điển tác phẩm hiện có ở Việt Nam, qua đó rút ra đặc trưng cơ bản và vai trò, tác dụng của loại từ điển tác phẩm, giúp độc giả hiểu rõ hơn về loại từ điển này.

2. Khái niệm từ điển tác phẩm

Theo Nguyễn Thiện Giáp, từ điển tác phẩm là loại từ điển thường thu thập và giải thích các từ ngữ của một tác phẩm nổi tiếng của một tác giả nổi tiếng [8, tr.218]. Như vậy, đối tượng của từ điển tác phẩm thường là những tác phẩm lớn, nổi tiếng của một người nào đó, thường là những nhà văn, nhà thơ, hoặc nhà hoạt động văn hóa, tư tưởng, chính trị,... có uy tín, nổi tiếng. Chẳng hạn, *Từ điển truyện Kiều* [1] của tác giả Đào Duy Anh thuộc loại từ điển tác phẩm.

Trong vị trí phân loại, xét về mặt khái quát, hầu hết các nhà nghiên cứu đều xác định từ điển tác phẩm thuộc loại hình từ điển ngôn ngữ. Tuy nhiên, khi đi sâu vào chi tiết, từ điển tác phẩm được các nhà nghiên cứu xếp vào các nhóm khác nhau, chẳng hạn như: nhóm từ điển hạn chế [17]; nhóm từ điển một thứ tiếng [10]; nhóm từ điển chuyên biệt [9], [13]; nhóm từ điển phong cách từ vựng [2]; nhóm từ điển giải

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: quachthigam@gmail.com

thích [7];... Sở dĩ có điều này vì mỗi nhà nghiên cứu dựa trên các tiêu chí khác nhau để phân loại. Trong sự phân loại trên, chúng tôi đồng quan điểm với tác giả R. A. Singh [19] và Đặng Hoàng Hải - Hoàng Thị Nhung [9], xếp loại từ điển tác phẩm thuộc nhóm từ điển chuyên biệt (trong sự phân biệt với từ điển phổ thông). Theo đó, xét trong cấu trúc vĩ mô, nếu như từ điển phổ thông là loại từ điển trong đó bảng từ là các đơn vị ngôn ngữ phổ biến, trải trên diện rộng, thì từ điển chuyên biệt chỉ tập trung vào một lĩnh vực nào đó trong vốn từ vựng chung [13, tr.27].

3. Phân biệt từ điển tác phẩm với một số loại từ điển liên quan

3.1. Từ điển tác phẩm và từ điển tác giả

- Giống nhau: giữa từ điển tác phẩm và từ điển tác giả có mối quan hệ khá gần gũi. Cả hai loại từ điển này đều thuộc loại hình từ điển ngôn ngữ và cùng thuộc loại từ điển chuyên biệt, cùng tập trung giải thích các đơn vị ngôn ngữ trong các tác phẩm và tác giả nổi tiếng.

- Khác nhau: trong từ điển tác phẩm, bảng từ là các từ ngữ của một tác phẩm, có thể không phải toàn bộ, mà thường là những từ ngữ quan trọng hoặc các từ ngữ khó cần giải thích để góp phần hiểu rõ hơn tác phẩm. Còn trong từ điển tác giả, bảng từ là các từ ngữ của nhiều tác phẩm hoặc các văn bản của một tác giả, qua đó phản ánh được phong cách sử dụng từ ngữ của tác giả đó.

Như vậy, trong từ điển tác phẩm, bảng từ hẹp hơn, chỉ bao gồm các từ ngữ trong nội bộ một tác phẩm của một tác giả, còn trong từ điển tác giả, bảng từ trải rộng trên toàn bộ nhiều tác phẩm và văn bản của một tác giả. Ở nước ta hiện nay thực chất chưa có cuốn từ điển nào về tác giả (hay nói một cách đầy đủ: từ điển ngôn ngữ tác giả).

3.2. Từ điển tác phẩm và từ điển nhân danh (nhân vật)

- Giống nhau: cả hai loại từ điển cùng đề cập đến một người nào đó, có uy tín, nổi tiếng, chẳng hạn như các nhà văn, nhà thơ, hoặc nhà hoạt động văn hóa, tư tưởng, chính trị,...

- Khác nhau: từ điển tác phẩm thuộc loại hình từ điển ngôn ngữ, đối tượng của từ điển này là giải thích nội dung, ý nghĩa của các từ ngữ được sử dụng trong một tác phẩm của một tác giả nổi tiếng. Còn từ điển nhân danh (nhân vật) thuộc loại hình từ điển bách khoa. Đối tượng của từ điển này là làm rõ các thông tin tri thức về tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp hoạt động, quan điểm, tư tưởng, các sự kiện liên quan về một người nổi tiếng.

Chẳng hạn, cuốn *Từ điển Hồ Chí Minh sơ giản* [15] của Tôn Nữ Quỳnh Trân, Lê Văn Năm chủ biên và cuốn *Từ điển Hồ Chí Minh học* [13] do Tạ Ngọc Tấn chủ biên là hai cuốn từ điển về nhân danh, nhân vật, không phải từ điển tác giả. Cụ thể, *Từ điển Hồ Chí Minh sơ giản* [15] giải nghĩa khoảng 1.100 mục từ, được phân theo 3 chương tương ứng với 3 chủ đề: 1. “Hồ Chí Minh - Tiểu sử và cuộc đời”, bao gồm các mục từ có liên quan đến thân thế, các tên, bút danh, những nơi Hồ Chí Minh đã đi qua trong cuộc đời hoạt động,...; 2. “Hồ Chí Minh - Những vấn đề văn hóa”, bao gồm các mục từ liên quan đến hoạt động của Hồ Chí Minh trên lĩnh vực văn học nghệ thuật, văn hóa dân tộc, giáo dục nhân dân, xây dựng nền đạo đức cách mạng,...; 3. “Hồ Chí Minh - Những vấn đề kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự”, bao gồm các mục từ liên quan đến hoạt động và tư tưởng của Hồ Chí Minh về lĩnh vực này, cũng như những nhân vật có liên quan. Cuốn *Từ điển Hồ Chí Minh học* [13] gồm các mục

từ cũng được phân theo nhóm vấn đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, tác phẩm của Hồ Chí Minh, các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến tư tưởng, đạo đức, phong cách, danh ngôn, luận điểm của Hồ Chí Minh.

3.3. Từ điển tác phẩm và từ điển bách khoa về tác giả, tác phẩm

- Giống nhau: cùng đề cập đến tác phẩm của tác giả uy tín, nổi tiếng.

- Khác nhau: Thuộc hai loại hình từ điển khác nhau. Từ điển tác phẩm thuộc loại hình từ điển ngôn ngữ, trong đó mỗi mục từ tương ứng với một từ hoặc tổ hợp từ được sử dụng trong tác phẩm của một tác giả nào đó, cung cấp các thông tin về từ ngữ đó như cách đọc, từ loại, nghĩa, phạm vi sử dụng,... Còn từ điển bách khoa về tác giả hoặc tác phẩm, ngay tên gọi đã cho thấy thuộc loại hình từ điển bách khoa, trong đó mỗi một mục từ tương ứng với một tác giả hoặc một tác phẩm, cung cấp các thông tin tri thức về tác giả đó (như năm sinh, năm mất, sự nghiệp, các tác phẩm chính,...; ngoài ra, có thể nêu đánh giá của người biên soạn, trích dẫn các nhận xét của các nhà nghiên cứu,...) hoặc tác phẩm đó (như hoàn cảnh ra đời tác phẩm, nội dung chính, vai trò hoặc ý nghĩa của tác phẩm,...). Ví dụ: *Từ điển tác giả, tác phẩm âm nhạc phổ thông* [11] của Vũ Tự Lân; *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam (dùng trong nhà trường)* [12] của Nguyễn Đăng Mạnh, Bùi Duy Tân, Nguyễn Như Ý;... là các cuốn từ điển bách khoa về tác giả, tác phẩm.

4. Các cuốn từ điển tác phẩm hiện có ở Việt Nam

Thực tế qua khảo sát về tình hình biên soạn từ điển tác phẩm cho thấy, hiện nay ở Việt Nam có 4 cuốn: *Từ điển truyện Kiều* [1], *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển* [6], *Từ điển Ngục trung nhật ký* [14], *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* [16]. Cả bốn cuốn này

đều có đặc điểm chung là mỗi từ điển được xây dựng cho một tác phẩm văn học. Dưới đây, chúng tôi giới thiệu khái quát về các công trình này để qua đó giúp độc giả hình dung rõ hơn về loại từ điển tác phẩm.

4.1. Từ điển truyện Kiều

Cuốn *Từ điển truyện Kiều* [1] do Đào Duy Anh biên soạn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành, in lần đầu năm 1974. Đây là cuốn từ điển tác phẩm tiêu biểu và xuất hiện đầu tiên. Đến năm 1987, được ủy quyền của tác giả Đào Duy Anh, tác giả Phan Ngọc đã hiệu chỉnh và cho tái bản lần thứ nhất.

Phần chính của từ điển bao gồm tất cả các từ ngữ được Nguyễn Du dùng trong *Truyện Kiều*: mỗi từ ngữ đó được dùng bao nhiêu lần, từ ngữ ấy dùng với (những) ý nghĩa gì,... Ngoài phần chính, từ điển có “Lời đầu sách” trình bày mục đích và nguyên tắc biên soạn, phần “Phụ lục” là văn bản *Truyện Kiều* (văn bản này cũng do chính Đào Duy Anh khảo đính và dùng để biên soạn từ điển).

Ngoài ra, từ điển còn thu thập và giải thích các tên riêng về địa lý có quan hệ với các hình tượng, nhân vật và điển tích văn học. Tổng cộng từ điển này có gần 7.300 mục từ, gồm 2.470 mục từ chính (điều mục) và khoảng 3.800 mục từ phái sinh (từ hệ thuộc - là các từ có yếu tố liên trước hoặc liên sau với mục chính, tạo thành các từ kép, thành ngữ, từ tổ,...).

Cấu trúc mỗi mục từ trong cuốn từ điển được trình bày theo cấu trúc chung: từ đầu mục, tổng số lần từ ấy được dùng trong tác phẩm *Truyện Kiều* (cũng gọi là tần số xuất hiện của nó trong văn bản); phần giải nghĩa, trình bày ngắn gọn nghĩa hoặc những nghĩa được Nguyễn Du dùng trong tác phẩm, kèm theo số lần mà từ được dùng với nghĩa đó, địa chỉ (số thứ tự) của những câu thơ có từ

được dùng với nghĩa ấy. Chẳng hạn:

BA ĐÀO (1): Ba là sóng, đào là sóng lớn, hai chữ dùng chung nghĩa là sóng lớn. Vd. Gặp cơn bình địa *ba đào*, 3065.

QUỐC SẮC (3): Sắc đẹp nhất nước. Vd. Người *quốc sắc* kẻ thiên tài, 163; 825. 2922 - **Quốc sĩ** (1): Người đàn ông giỏi ở trong nước. Vd. Từ rằng: *Quốc sĩ* xưa nay, 2427 - **Quốc sắc thiên hương** (1): Sắc nước hương trời, chỉ người tuyệt đẹp. Vd. Đã nên *quốc sắc thiên hương*, 825 - **Quốc sắc thiên tài** (1): Sắc nước, chỉ người đàn bà đẹp; tài trời, chỉ người đàn ông giỏi. Vd. Lạ gì *quốc sắc thiên tài* phải duyên, 2922.

Cũng có những mục từ, phần giải thích được miêu tả kỹ (tập trung vào một số mục từ về điển tích, điển cố văn học). Đôi khi, phần giải thích có đưa thêm cả nhận xét về mặt ngôn ngữ học, tu từ học và văn học của từ ngữ; hoặc nêu lên những điểm dị biệt so với ngôn ngữ ngày nay, giải thích những điểm khó hiểu, những từ ngữ, cách dùng cổ, nghĩa cổ,...

Từ điển truyện Kiều giúp người đọc hiểu ý nghĩa của các từ ngữ mà Nguyễn Du dùng trong tác phẩm *Truyện Kiều*. Từ điển cũng cho thấy tình hình tiếng Việt ở khoảng đầu thế kỷ XIX cũng như sự sáng tạo, cách sử dụng ngôn ngữ tài tình của Nguyễn Du.

Về sau, tác phẩm này được tái bản rất nhiều lần vào các năm: 1987, 1989, 1993, 2000, 2007, 2008, 2009, 2010 và được bổ sung, sửa chữa trong một số lần tái bản. Chẳng hạn, trong lần tái bản thứ 2 (1989), Phan Ngọc đã sửa lại một số chữ trong văn bản *Truyện Kiều* do Đào Duy Anh khảo đính, chấm câu lại toàn bộ tác phẩm, căn cứ giải thích các từ dựa vào bằng chứng và nguồn gốc, xuất xứ (không dựa vào ngữ cảnh), từ nào cũng được giải thích, các từ quen thuộc càng phải giải thích về nguồn gốc (ở bản trước, những từ quen thuộc không giải thích);

hầu hết các phần giải nghĩa được bổ sung hoặc sửa chữa thông tin,... Chẳng hạn:

BA ĐÀO (1): Ba là sóng, đào là sóng lớn, ở đây chỉ tai nạn đến đột ngột. Td. Gặp cơn bình địa *ba đào*, 3065.

4.2. Nguyễn Trãi *Quốc âm từ điển*

Cuốn *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển* [6] do Trần Trọng Dương biên soạn, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa ấn hành năm 2014. Cuốn sách thu thập tổng cộng 2.500 từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ, điển cố, điển tích) được Nguyễn Trãi sử dụng trong *Quốc âm thi tập*.

Nội dung của từ điển ngoài “Lời tựa” trình bày ý nghĩa của việc biên soạn công trình; “Phạm lệ” giới thiệu nội dung và nguyên tắc biên soạn; “Sách dẫn (index)” cung cấp bảng tra cứu về tên người, tên đất, tên tác phẩm, thuật ngữ ngôn ngữ học; “Tài liệu tham khảo”; “Phụ lục” là bản mới phiên chuyển *Quốc âm thi tập* sang chữ Quốc ngữ; “Lời bạt” nêu cảm tưởng của học giả An Chi về cuốn từ điển này; phần chính văn có khoảng 2.500 mục từ gồm toàn bộ các từ, ngữ, thành ngữ, tục ngữ, điển cố, điển tích, kể cả các từ công cụ ngữ pháp, tình thái (chẳng, thì, chớ,...), được sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái tiếng Việt.

Mỗi mục từ trong từ điển này thường cung cấp nhiều loại thông tin khác nhau, được sắp xếp theo thứ tự: phần khảo cứu (nguồn âm đọc của từ đó,...) - nghĩa cơ bản - các nghĩa phái sinh - nghĩa cụ thể (nghĩa đen đặt trước nghĩa bóng). Các nghĩa của một đơn vị đa nghĩa được đánh số 1, 2,... Cấu trúc của mỗi mục gồm:

Từ đầu mục - chữ Hán (đối với từ gốc Hán), âm Hán Việt, âm phiên thiết (kiểu tái lập của các từ cổ và từ gốc Hán), chữ Hán và chữ Nôm dùng để ghi các âm đó, nghĩa từ nguyên - từ loại - chú thích cả phong cách, phạm vi sử dụng, sắc thái tu từ,...

Lời giải thích (có thể trích dẫn các từ điển cổ để minh họa) - các từ ngữ tiếng Hán mà mục từ đó đối dịch - trích dẫn một số ví dụ chủ yếu lấy từ tập thơ (kèm theo tên bài thơ được trích dẫn và số thứ tự trong bài) hoặc một số tác phẩm dịch Nôm và có cả thành ngữ, tục ngữ, cao dao - từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ có liên quan, các từ có mối tương ứng ngữ âm và ngữ nghĩa - chú thích khác (như liên quan đến thi pháp, phong cách học,...

Ví dụ: **cổ cưu** 故舊

tt. vốn đã chơi với nhau từ xưa. *Kết bạn mưa quên người cổ cưu, yên nhà nữ phụ vợ tao khang.* (Bảo kính 129.5).

kể 計

◎ AHV: kê. Đồng nguyên tự: kê (-đơn, -khai) và kể (-lẽ, -chuyện).

đgt. kê ra, tính ra. *Không hết kể chi tay trí thuật, để đòi khi ngã thắt khi eo.* (Mạn thuật 32.7, 36.3) (Tự thán 72.6, 76.3, 102.5) (Tích cảnh thi 203.2) (Thiên tuế thụ 235.2) trong Toan kê (Đào hoa thi 230.3).

Thường thì đối với mục từ đơn giản, lời giải thích gói gọn trong một câu. Đối với mục từ có nội hàm phong phú thì được miêu tả kỹ hơn (những mục từ về điển cố, nhân vật lịch sử, văn hóa truyền thống). Đôi khi, có một số mục từ, lời giải thích còn được trích dẫn từ các tác giả khác.

Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi được viết từ thế kỷ XV, được giới nghiên cứu đánh giá là tập thơ Nôm cổ nhất, đồ sộ nhất, có giá trị nhất và có bản sắc dân tộc nhất của Việt Nam còn lưu giữ lại được cho đến ngày hôm nay. Vì thế, tập thơ có nhiều từ ngữ nay đã cổ hoặc rất cổ, đến nỗi ngay cả việc phiên âm đọc như thế nào cho thuận, cũng vẫn còn nhiều tranh luận (những từ như: “*bợ, song viết, các-gác*” chẳng hạn). Với sự công phu, tỉ mỉ, từ điển không chỉ giúp người đọc có thể

nhắm bắt được nghĩa của các từ ngữ trong *Quốc âm thi tập* mà còn hiểu rõ nguồn gốc và lịch sử phát triển của các từ ngữ đó. Từ điển cũng giúp chúng ta phân nào hình dung được diện mạo của tiếng Việt cách đây 600 năm và tài năng, ý thức ngôn ngữ dân tộc của Nguyễn Trãi. Cuốn sách có nhiều giá trị về mặt nghiên cứu đối với việc tìm hiểu, khảo chứng ngôn ngữ và văn chương cổ, trung đại Việt Nam. In lần đầu năm 2014, đến năm 2018, cuốn từ điển này đã được Nhà xuất bản Văn học tái bản.

4.3. Từ điển Ngục trung nhật ký

Cuốn *Từ điển Ngục trung nhật ký* [14] do Trần Hữu Thung, Trần Hữu Dinh, Nguyễn Thế Nữ biên soạn (Phan Văn Các hiệu đính), Nhà xuất bản Nghệ An ấn hành năm 2007. Nội dung từ điển ngoài Lời giới thiệu, Lời nói đầu (giới thiệu khái quát về cuốn từ điển), Phạm lệ (trình bày nguyên tắc biên soạn từ điển), Bút tích về một số bài thơ, Phụ lục (danh sách tên tác giả trong và ngoài nước được trích dẫn ý kiến, danh mục đơn vị và thời gian xuất bản *Nhật ký trong tù* ở trong nước), Tài liệu tra cứu tham khảo chính (các bản dịch *Ngục trung nhật ký* và các tài liệu khác), Mục lục, gồm 2 phần chính:

Phần 1 “Từ điển từ ngữ *Ngục trung nhật ký*” giải nghĩa các từ ngữ, thành ngữ, điển tích, mệnh đề và các câu thơ đặc sắc của từng bài thơ trong *Ngục trung nhật ký* và giải thích cả những câu thơ mà tác giả *Ngục trung nhật ký* mô phỏng hoặc trích dẫn của người khác. Toàn bộ từ điển có gần 2.300 mục từ (bao gồm: 1.232 từ đơn, 840 từ kép, 55 thành ngữ, 73 điển tích, 42 mệnh đề, 45 câu thơ) được giải nghĩa, giải thích, giúp người đọc không am tường tiếng Hán có thể hiểu nội dung các bài thơ cũng như biết cách dịch đúng hay sai của các bản dịch.

Thường thì tùy theo nội dung của từng

từ ngữ, điển tích,... có mục từ giải thích ngắn gọn, có mục từ giải thích chi tiết. Phần giải thích có kèm theo tên bài thơ (ký hiệu bằng những con số cao) và số thứ tự của từ được giải thích trong bài thơ (ký hiệu bằng những con số thấp). Ví dụ:

CÁNH (竟): Cuối cùng. X. *Tất cánh* 94₂₃.

Chiêu nhiên (昭然) rõ ràng sao, rõ ràng thay, rất rõ ràng, thật là rõ ràng. 66₂₇₋₂₈.

Từ điển giải nghĩa đến từng bài, từng từ cụ thể trong các tác phẩm. Cùng 1 từ, ở bài thơ này thì nghĩa này, nhưng ở bài thơ khác thì nghĩa khác. Ví dụ:

BÁC (博): đánh bạc. Chơi các trò chơi ăn thua bằng tiền. X. *Đổ bác* 24_{4,11}. *Nhận được* 69₂₄.

Ở ví dụ trên, từ BÁC (博) ở bài số 24, số chữ thứ 4, 11 trong bài có nghĩa là *đánh bạc*; ở bài số 69, số chữ thứ 24 có nghĩa là *nhận được*.

Ngoài phần giải nghĩa các từ ngữ, từ điển còn có phần 2 “Từ điển thưởng thức *Ngục trung nhật ký*” bao gồm: những nhận xét và lời bình về tập thơ này của gần 100 tác giả trong và ngoài nước, giới thiệu toàn bộ 134 bài thơ trong *Ngục trung nhật ký* có kèm theo lời bình về từng bài của các tác giả khác nhau. Mỗi bài giới thiệu cả bản chữ Hán (dạng chữ chân phương phổ biến hiện nay), bản dịch âm Hán Việt theo nguyên bản, bản dịch thơ theo đúng chữ nghĩa nguyên bản,... Ngoài ra, phần này còn giới thiệu một số bản dịch tiêu biểu khác của các tác giả trong và ngoài nước (đối với tất cả các bài thơ trong tập thơ này) cùng những nhận xét, phân tích, bình luận về từng bài thơ.

4.4. Từ điển truyện *Lục Vân Tiên*

Cuốn *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* [16] được biên soạn bởi Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm

1989. Nội dung cuốn từ điển gồm 6 phần: Lời nói đầu; Phần thứ nhất: về công tác khảo dị, chú thích và hiệu đính văn bản truyện *Lục Vân Tiên*; Bảng giải nghĩa những chữ viết tắt; Phần thứ hai: từ ngữ (tức là phần chính của từ điển); Phần thứ ba: văn bản và dị khảo (trình bày văn bản truyện *Lục Vân Tiên* và dị khảo); cuối sách là Mục lục.

Phần thứ hai: từ ngữ (tức là phần chính của từ điển) giải thích khoảng gần 2.000 từ ngữ, điển cố khó hiểu (nhất là những từ ngữ cổ của tiếng Việt Nam Bộ) xuất hiện trong truyện *Lục Vân Tiên*, thường kèm theo một số câu thơ làm ví dụ và giải nghĩa luôn cả câu thơ đó, nhằm giúp người đọc có thể dễ dàng tra cứu những từ, điển cố khó hiểu cũng như tiếp nhận được nội dung của từng câu thơ khi đọc tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Với một số từ kép có gốc Hán, từ điển giải nghĩa từng từ đơn rồi sau mới giải nghĩa chung của từ kép này, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng trong văn cảnh cụ thể. Những từ nào có xuất xứ trong các thành ngữ hoặc điển tích, đều được ghi đầy đủ nội dung của thành ngữ hay điển tích đó. Chẳng hạn:

AI HOÀI (512): buồn thương và nhớ tiếc, (Ai là đau buồn, hoài là nhớ tiếc).

Du thần xem thấy ai hoài. Du thần xem thấy (Vân Tiên bị gia đình Võ Thế Loan đem nhốt trong hang Thương Tòng) mà buồn thương và nhớ đến mãi.

DỤNG MƯU (874): Dùng mưu kế.

Hại Tiên phải dụng mưu này mới xong: (Muốn) hại Lục Vân Tiên thì phải dùng mưu kế này mới được.

Cuốn từ điển này không thu thập và giải nghĩa tất cả các từ ngữ trong *Lục Vân Tiên* mà lựa những từ ngữ, câu khó để giải nghĩa. *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* cũng đã được tái bản nhiều lần vào các năm 2004, 2017,...

5. Kết luận

Qua khảo sát, tìm hiểu về loại từ điển tác phẩm có thể rút ra một số nhận xét sau:

Về tình hình biên soạn: cho đến nay ở Việt Nam đã xuất bản nhiều loại từ điển với số lượng ngày càng đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, số lượng từ điển tác phẩm ở Việt Nam còn rất ít. Loại từ điển tác giả thì hầu như chưa có. Vì thế, rất cần có nhiều công trình nghiên cứu, biên soạn về từ điển tác phẩm và mở rộng ra là từ điển tác giả. Hai loại từ điển này nhằm tập hợp, giới thiệu và giải nghĩa các từ ngữ của các tác phẩm, tác giả nổi tiếng trong lịch sử và đương đại. Qua đó, giúp độc giả hiểu được cách sử dụng, cũng như thấy được những giá trị và những đóng góp của những tác phẩm, tác giả này trong sự phát triển ngôn ngữ của dân tộc.

Về đặc trưng: trong từ điển tác phẩm, người ta không giải thích từ ngữ theo nghĩa chung, thông thường mà chỉ giải thích các từ ngữ đó theo cách tác giả dùng trong tác phẩm cụ thể, còn các nghĩa khác thì không nói đến. Tất nhiên cũng có nhiều từ ngữ mang nghĩa giống như từ thông thường.

Về giá trị, ý nghĩa: nhìn chung, các từ điển tác phẩm hiện có đều tập trung giải thích các từ ngữ (nhất là các từ ngữ khó hiểu), diễn tích xuất hiện trong các truyện thơ, tập thơ nổi tiếng viết bằng chữ Hán và chữ Nôm do các tác giả lớn sáng tác. Từ điển tác phẩm giúp người đọc có thể tra cứu để hiểu được nội dung, ý nghĩa của từ ngữ trong từng tác phẩm, cũng như có thể hiểu ngôn ngữ văn bản mà tác giả đã sử dụng. Từ điển này cũng là hệ thống tư liệu quý và rất có giá trị để phục vụ nghiên cứu ngôn ngữ và văn chương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Duy Anh, *Từ điển truyện Kiều*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.
- [2] Nguyễn Trọng Báu, “Từ điển - Sách công cụ ứng dụng và lịch sử phát triển”, *Ngôn ngữ học - Một số phương diện nghiên cứu liên ngành*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
- [3] Nguyễn Huy Bình, “Công trình *Từ điển Ngục trung nhật ký* nhìn từ góc độ mô hình cấu trúc”, *Lý luận phê bình văn học - Nghệ thuật*, số 8, 2021.
- [4] Lê Thị Hải Chi, “Nghiên cứu, học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh qua công trình *Từ điển Hồ Chí Minh học*”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 4(78), 2022.
- [5] Hà Thùy Dương, “Khảo sát *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam (dùng trong nhà trường)*”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 5(79), 2022.
- [6] Trần Trọng Dương, *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2014.
- [7] Nguyễn Thiện Giáp, *Giáo trình Ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.
- [8] Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên), Võ Thị Minh Hà, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016.
- [9] Đặng Hoàng Hải, Hoàng Thị Nhung, “Một cách phân loại Từ điển ngôn ngữ một thứ tiếng”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 1(9), 2011.
- [10] Vũ Quang Hào, *Kiểm kê Từ điển học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- [11] Vũ Tự Lân, *Từ điển tác giả, tác phẩm âm nhạc phổ thông*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2007.
- [12] Nguyễn Đăng Mạnh, Bùi Duy Tân, Nguyễn Như Ý, *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam (dùng trong nhà trường)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.
- [13] Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên), *Từ điển Hồ Chí Minh học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật (lưu hành nội bộ), Hà Nội, 2017.
- [14] Trần Hữu Thung, Trần Hữu Dinh, Nguyễn Thế Nữ (Phan Văn Các hiệu đính), *Từ điển Ngục trung nhật ký*, Nxb. Nghệ An, Nghệ An, 2007.
- [15] Tôn Nữ Quỳnh Trân, Lê Văn Năm (Chủ biên), *Từ điển Hồ Chí Minh sơ giản*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1990.
- [16] Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần, *Từ điển truyện Lục Vân Tiên*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 1989.
- [17] Zgusta, L., Hồ Hải Thụy, Vũ Ngọc Liên (dịch), *Giáo trình Từ điển học*, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 1978.
- [18] Nguyễn Khắc Thuần, “30 năm *Từ điển truyện Lục Vân Tiên*”, <https://giaoducthoidai.vn/van-hoa/30-nam-tu-dien-truyen-luc-van-tien-3724891.html>. Tra cứu ngày 20.02.2023.
- [19] Singh, R. A., “An Introduction to Lexicography”, <http://www.ciil-ebooks.net/html/lexico/link6.htm>. Tra cứu ngày 20.02.2023.